TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2024/DS-PT
Ngày: 20 - 02 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Phương

Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thũy - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 579/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 410/2023/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn H. Sinh năm: 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 6, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn T. Sinh năm: 1975 (xin vắng).

Địa chỉ: Ấp 1/5, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Tuyết M. Sinh năm: 1982 (vắng). Địa chỉ: ấp 1/5, xã K, huyện T, tỉnh C ..

Người kháng cáo: Ông Võ Văn T, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn thể hiện:

Vào ngày 12/01/2022 ông H có cho vợ chồng ông Võ Văn T và bà Lê Tuyết M vay số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, không ấn định thời hạn vay, việc vay tiền do ông Thuỷ đứng ra hỏi vay, ông T bà M nhận tiền, có làm biên nhận

do ông T viết và ký tên. Để đảm bảo khoản vay ông T và bà M có thế chấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, dưới hình thức lập "Hợp đồng uỷ quyền" ngày 15/01/2022, nội dung: ông H được quyền quản lý, sử dụng, chuyển nhượng, đặt cọc, tặng cho đối với quyền sử dụng đất. Vào ngày 28/01/2022 ông H tiếp tục cho vợ chồng ông Võ Văn T vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, ông T bà M nhận tiền, có làm biên nhận do ông T viết và ký tên. Ông T và bà M trả lãi được 33.750.000 đồng. Sau đó ông T hỏi mượn lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng để chuyển nhượng lấy tiền trả cho ông H. Do tin tưởng nên ông H đã đưa lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã "Hủy bỏ Hợp đồng uỷ quyền". Đến nay vợ chồng ông T không trả vốn và lãi, nên ông H yêu cầu ông T và bà M có trách nhiệm liên đới trả nợ gốc 400.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm kể từ ngày vay ngày 28/01/2022 đến hết ngày ngày 28/10/2023 là 21 tháng với số tiền 140.000.000 đồng – 33.750.000 đồng (lãi đã trả trước đó) = 106.250.000 đồng.

Việc ông H cho ông T mượn lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có ông Võ Chí Diễn (cháu ruột của ông T biết).

Quá trình tham gia giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Lời trình bày của ông H về các khoản vay là hoàn toàn đúng sự thật. Các khoản nợ vay là nợ chung giữa ông T và bà Lê Tuyết M. Tổng số tiền vay là 400.000.000 đồng vợ chồng ông T và bà M đã nhận. Việc vay có thế chấp cho ông H hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như ông H trình bày là đúng. Quá trình vay vợ chồng ông T và bà M đã trả lãi 33.750.000 đồng và đã trả xong nợ gốc, việc trả nợ gốc không có làm giấy tờ gì và cũng không ai biết, việc trả nợ gốc do ông T trực tiếp cầm tiền trả cho ông H tại Văn phòng công chứng Mai Hương, việc trả tiền thì những người làm việc tại Văn phòng công chứng không biết (vì cá nhân ông T trực tiếp với ông H, chứ không có ai chứng kiến), sau khi trả nợ xong thì ông H trả lại cho ông T hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bên lập văn bản "Hủy bỏ Hợp đồng ủy quyền" vào ngày 05/5/2022.

Ông Võ Chí Diễn (là cháu của ông T; giữa ông T và cha ông Diễn là chú bác ruột, vợ chồng ông T và bà M không có mâu thuẫn gì với ông Diễn). Ngày 26/11/2022 chuyển số tiền 15.000.000 đồng trả cho ông H là chuyển trả tiền lãi còn nợ trước đó ở khoản nợ vay 400.000.000 đồng. Nay xác định vợ chồng đã trả xong nợ gốc. Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H.

Người làm chứng ông Võ Chí Diễn trình bày:

Ông Diễn và ông T có quan hệ họ hàng (cha ông Diễn và ông Thuỷ là anh em con chú con bác). Ông Diễn là đồng nghiệp với ông Lê Văn H.

Ông Thuỷ, bà M vay tiền của ông H là thông qua ông Diễn giới thiệu. Ông Diễn có biết ông H cho ông T và bà M vay 02 khoản tiền tổng là 400.000.000 đồng, việc vay tiền có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thông qua việc ký hợp đồng uỷ quyền. Khoản nợ vay gốc của ông T và bà M vay của ông H thì ông Diễn xác định là chưa trả. Đối với việc ông H đưa lại cho hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T sau đó ký kết hợp đồng huỷ bỏ hợp đồng uỷ quyền

trước đó là do ông Thuỷ nhờ ông Diễn nói với ông H là cho mượn lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp Ngân hàng và trả nợ gốc cho ông H, sau đó ông Diễn nói với ông H thì ông H đồng ý, khi ông H đưa hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho ông T nhận thì có ông Diễn chứng kiến, lúc đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T không có đưa bất kỳ khoản tiền nào cho ông H nhận. Sau khi ông T nhận lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có liên hệ với ông H đến Văn phòng công chứng ký hợp đồng huỷ bỏ hợp đồng uỷ quyền để thuận tiện cho giấy tờ pháp lý cho việc thế chấp, chứ thực tế ông Diễn biết là không có trả bất kỳ khoản nợ gốc nào cho ông H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 410/2023/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn H.

Buộc ông Võ Văn T và bà Lê Tuyết M có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Lê Văn H số tiền 506.250.000 đồng (Trong đó, nợ gốc: 400.000.000 đồng, nợ lãi: 106.250.000 đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/11/2023, ông Võ Văn T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo, ông Võ Văn T có đơn xét xử vắng mặt, thể hiện nội dung giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn, ông H trình bày: Ông không quen biết vợ chồng ông T; ông Diễn là cháu ông T nhưng là đồng nghiệp với ông H, ông Diễn giới thiệu và do tin tưởng ông Diễn nên ông H cho ông T vay tiền, nhiều tháng ông T không đóng lãi, nên khi ông T nhờ ông Diễn trao đổi với ông H về việc mượn lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục thế chấp vay Ngân hàng lấy tiền trả lại cho ông H, do tin tưởng ông Diễn nên ông H mới đồng ý giao lại hai giấy. Ông H không đồng ý kháng cáo của ông T vì vợ chồng ông T, bà M chưa trả tiền vay cho ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Võ Văn T trong thời hạn luật định, được chấp nhận xem xét, giải quyết.

Ông Võ Văn T có yêu cầu xét xử vắng mặt; bà Lê Tuyết M từ chối nhận giấy triệu tập, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ, bà M vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với ông Võ Văn Thuỷ và bà Lê Tuyết M.

[2] Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận: Ông Lê Văn H cho vợ chồng ông Võ Văn T, bà Lê Tuyết M vay tiền hai lần: lần thứ nhất, ngày 12/01/2022 vay vốn 250.000.000 đồng và ngày 28/01/2022 vay vốn 150.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, không quy định thời hạn trả vốn, ông T viết biên nhận nợ. Để đảm bảo khoản vay, ông T, bà M có thế chấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, dưới hình thức lập "Hợp đồng uỷ quyền" ngày 15/01/2022, nội dung uỷ quyền cho ông H được quyền quản lý, sử dụng, chuyển nhượng, đặt cọc, tặng cho đối với quyền sử dụng đất.

Bản án sơ thẩm quyết định, buộc ông T, bà M có trách nhiệm liên đới trả cho ông H số tiền vốn, lãi bằng 506.250.000 đồng. Ông T kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H vì lý do ông T đã trả đủ tiền vốn 400.000.000 đồng cho ông H vào ngày 05/5/2022 và hai bên đến Phòng công chứng làm thủ tục "Hủy bỏ Hợp đồng ủy quyền". Về phía ông H trình bày có sự kiện "Hủy bỏ Hợp đồng ủy quyền" là vì ông T mượn lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sang bán cho người khác hoặc thế chấp vay Ngân hàng lấy tiền trả cho ông H, nhưng sau đó ông T không thực hiện lời hứa. Qua lời trình bày của các đương sự, nhận thấy: ông T bà M có vay vốn của ông H 400.000.000 đồng, việc ông H trả lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T và đã hủy bỏ "Hợp đồng ủy quyền" là sự thật. Ông T cho rằng đã trả tiền vốn vay nhưng ông T không đưa ra được chứng cứ để chứng minh đã trả tiền cho ông H, đáng lý ra khi trả đủ tiền phải lấy lại biên nhận gốc hoặc đôi bên lập văn bản ghi nhận sự việc trả tiền, trong khi đó ông Diễn (cháu ông T) là người giới thiệu ông T vay tiền từ ông H và ông Diễn cũng là người hỏi ông H cho ông T mượn lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xác nhận ông T có mượn hai giấy chứng nhận QSD đất từ ông H, hứa bán đất trả tiền cho ông H nhưng ông T không thực hiện. Lời trình bày của ông Diễn phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ, được thể hiện ở nội dung ghi âm trong USB mà ông T thừa nhận giọng nói của mình có đoạn ông T thừa nhận chưa thanh toán nợ vốn gốc cho Hiền; ngoài ra ông T chuyển tiền 15.000.000 đồng vào tài khoản của Hiền ngày 26/11/2022 để trả lãi cho ông H, theo như ông T xác định ngày 05/5/2022 đã trả đủ vốn, lãi cho Ông H thì tại sao đến ngày 26/11/2022 lại tiếp tục trả lãi.

Bản án sơ thẩm nhận định và quyết định chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của ông T,

giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[3] Án phí phúc thẩm bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn T; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 410/2023/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H.

Buộc ông Võ Văn T và bà Lê Tuyết M có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Lê Văn H số tiền 506.250.000 đồng (Trong đó, nợ gốc: 400.000.000 đồng, nợ lãi: 106.250.000 đồng).

Kể từ ngày ông Lê Văn H có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Võ Văn T và bà Lê Tuyết M chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng ông Võ Văn T và bà Lê Tuyết M còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2- Về án phí

2.1- Án phí dân sự sơ thẩm dân sự có giá ngạch

- Buộc ông Võ Văn T và bà Lê Tuyết M phải nộp là 24.250.000 đồng (Chưa nộp).

- Nguyên đơn ông Lê Văn H đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước với số tiền là 12.500.000 đồng theo biên lai thu số 0007045 ngày 10/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ.

2.2- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn T phải chịu 300.000 đồng. Ông T dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0004143 ngày 22/11/2023 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hiền